



C

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5  
TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ  
KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG**

**BÁO CÁO  
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG  
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH, NGHỀ:  
CÔNG NGHỆ Ô TÔ  
TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP  
NĂM 2024**

*Quận 5, tháng 10 năm 2024*

## MỤC LỤC

### Contents

<b>PHẦN I GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ HÙNG VƯƠNG, KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP .....</b>	<b>6</b>
1. Thông tin chung về Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.....	6
1.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường .....	6
1.2. Sự mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý đào tạo của Trường .....	8
1.3.Chức năng, nhiệm vụ của Trường.....	9
1.4. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường.....	10
1.5. Tổng số cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường.....	122
1.6. Cơ sở vật chất của nhà trường.....	122
2. Thông tin khái quát về Khoa Cơ khí động lực.....	122
2.1. Thông tin khái quát .....	122
2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị .....	13
2.3. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo .....	155
3. Thông tin về Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp .....	166
3.1. Nội dung chương trình đào tạo năm 2021 .....	166
3.2 Nội dung chương trình đào tạo năm 2024 .....	188
3.3 Nội dung cập nhật của chương trình đào tạo Nghề cơ điện tử năm 2024 so với năm 2021 .....	21
<b>PHẦN II KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....</b>	<b>15</b>
<b>1. TỔNG QUAN CHUNG .....</b>	<b>15</b>
<b>1.1. Căn cứ tự đánh giá chất lượng đào tạo chương trình .....</b>	<b>15</b>
<b>1.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo .....</b>	<b>15</b>
1.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo .....	15
1.4. Phương pháp tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo .....	26
1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá.....	26
<b>2. TỰ ĐÁNH GIÁ.....</b>	<b>37</b>
2.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT .....	37
2.2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN.....	61
<b>2.2.1. TIÊU CHÍ 1 - MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH.....</b>	<b>31</b>
<b>Tiêu chuẩn 1.1:</b> Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định. ....	31
<b>Tiêu chuẩn 1.2:</b> Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo. ....	36
<b>Tiêu chuẩn 1.3:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo. ....	37
<b>2.2.2 TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO.....</b>	<b>39</b>

<b>Tiêu chuẩn 2.1:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo. ....	39
<b>Tiêu chuẩn 2.2:</b> Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định. ....	42
<b>Tiêu chuẩn 2.3:</b> Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. ....	45
<b>Tiêu chuẩn 2.4:</b> Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động .....	51
<b>Tiêu chuẩn 2.5:</b> Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định .....	54
<b>Tiêu chuẩn 2.6:</b> Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.....	57
<b>Tiêu chuẩn 2.7:</b> Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định. ....	59
<b>2.2.3 TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.....</b>	60
<b>Tiêu chuẩn 3.1:</b> 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. ....	61
<b>Tiêu chuẩn 3.2:</b> Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. ....	63
<b>Tiêu chuẩn 3.3:</b> Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định. ....	65
<b>Tiêu chuẩn 3.4:</b> Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.....	69
<b>Tiêu chuẩn 3.5:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng. ....	70
<b>Tiêu chuẩn 3.6:</b> 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định. ....	71
<b>Tiêu chuẩn 3.7:</b> 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định. ....	73
<b>Tiêu chuẩn 3.8:</b> Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao. ....	75
<b>2.2.4 TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH.....</b>	77
<b>Tiêu chuẩn 4.1:</b> Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.....	79
<b>Tiêu chuẩn 4.2:</b> Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo. ....	88
<b>Tiêu chuẩn 4.3:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp. ....	90
<b>Tiêu chuẩn 4.4:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp. ....	91

<b>Tiêu chuẩn 4.5:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.....	92
<b>Tiêu chuẩn 4.6:</b> Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.....	95
<b>Tiêu chuẩn 4.7:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.....	97
<b>Tiêu chuẩn 4.8:</b> Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.....	100
<b>Tiêu chuẩn 4.9:</b> Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của từng chương trình đào tạo.....	101
<b>Tiêu chuẩn 4.10:</b> 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.....	102
<b>Tiêu chuẩn 4.11:</b> Giáo trình đào tạo cụ thể hóa yêu cầu về nội dung, kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo. Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.....	103
<b>Tiêu chuẩn 4.12:</b> Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh dịch vụ.....	105
<b>2.2.5 TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN</b>	<b>107</b>
<b>Tiêu chuẩn 5.1:</b> Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.....	108
<b>Tiêu chuẩn 5.2:</b> Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.....	111
<b>Tiêu chuẩn 5.3:</b> Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.....	112
<b>Tiêu chuẩn 5.4:</b> Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.....	113
<b>Tiêu chuẩn 5.5:</b> Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.....	115
<b>Tiêu chuẩn 5.6:</b> Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.....	117
<b>Tiêu chuẩn 5.7:</b> Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.....	118
<b>Tiêu chuẩn 5.8:</b> Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.....	119
<b>2.2.6. TIÊU CHÍ 6 - DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC</b> .....	<b>124</b>
<b>Tiêu chuẩn 6.1:</b> Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.....	125

<b>Tiêu chuẩn 6.2:</b> Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. ....	127
<b>Tiêu chuẩn 6.3:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.....	131
<b>Tiêu chuẩn 6.4:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. ....	135
<b>2.2.7. TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng</b> .....	<b>138</b>
<b>Tiêu chuẩn 7.1:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu của 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ. ....	139
<b>Tiêu chuẩn 7.2:</b> Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.....	141
<b>Tiêu chuẩn 7.3:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.....	142
<b>Tiêu chuẩn 7.4:</b> Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ chính sách và các dịch vụ đối với người học. ....	144
<b>Tiêu chuẩn 7.5:</b> Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định. ....	145
<b>Tiêu chuẩn 7.6:</b> Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có) .....	147
<b>Tiêu chuẩn 7.7:</b> Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với nghề được đào tạo. ....	150
<b>Tiêu chuẩn 7.8:</b> Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.....	151
<b>Phần III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN.....</b>	<b>145</b>
1. Điểm mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài .....	145
2. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài.....	156
<b>PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ</b> .....	<b>167</b>

**PHẦN I**  
**GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**  
**HÙNG VƯƠNG, KHOA CƠ KHÍ ĐỘNG LỰC VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO**  
**TẠO NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ, TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP**

**1. Thông tin chung về Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương**

- Tên trường: **Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.**
- Tên viết tắt: **Trường TCN KTCN Hùng Vương.**
- Tên tiếng anh: **HUNG VUONG TECHNOLOGY VOCATIONAL SCHOOL**
- Cơ quan chủ quản: **Ủy ban nhân dân Quận 5.**
- Địa chỉ: số 161-165 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại liên hệ: **028. 38563456;028. 38558016; Fax: 028. 38532039**
- Email: **hanhchanh@hungvuongtech.edu.vn**
- Website : **www.hungvuongtech.edu.vn; https://tuyensinhhungvuongtech.edu.vn/**
- Loại hình trường:        Công lập    Tư thực

**1.1 Thông tin khái quát về lịch sử phát triển và thành tích nổi bật của trường**

**a. Thông tin khái quát:**

- Tiền thân của Trường là Trung tâm dạy nghề Quận 5, được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ-TM ngày 05/9/1985 của Ủy ban nhân dân Quận 5.
- Đến năm 2002, Trường được đổi tên thành Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương theo Quyết định số 1662/QĐ-UB ngày 18/04/2002 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đến năm 2007, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 2470/QĐ-UBND ngày 05/6/2007 thành lập Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương trên cơ sở nâng cấp Trường Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương.

**b. Thành tích chung của Nhà trường:**

- Bằng khen của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội:
  - + Thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện cho các thí sinh đạt giải cao tại kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XI, năm 2016 tại Malaysia.
  - + Thành tích xuất sắc trong công tác huấn luyện cho các thí sinh đạt giải cao tại kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XII, năm 2018 tại Thái Lan.
- Giấy khen số 22/QĐ-UBND ngày 20/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường 12 vì đã có thành tích tham gia tích cực các hoạt động phong trào tại địa phương năm 2018.
- Giấy khen số 2368/QĐ-SLĐT BXH ngày 23/01/2019 của sở Lao động Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện tư vấn, hướng nghiệp, tuyển sinh và giải quyết việc làm năm 2018.

- Giấy khen số 2161/QĐ-UBND ngày 31/05/2019 của Ủy ban nhân dân Quận 5 vì đã tích cực tham gia và thực hiện tốt công tác hiến máu tình nguyện năm 2018.
- Giấy khen số 1856/QĐ-BHXH ngày 06/08/2019 của Bảo hiểm xã hội TPHCM vì đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp, thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019.
- Giấy khen số 1088/QĐ-BHXH ngày 16/08/2019 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam vì đã thực hiện tốt chính sách bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2018 - 2019.
- Bằng khen số 3325/QĐ-KT ngày 07/08/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu tập thể lao động xuất sắc trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2018-2019 góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Bằng khen số 3326/QĐUB-KT ngày 07/08/2019 của Ủy Ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng bằng khen trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 2 năm học liên tục (2017-2018, 2018-2019) góp phần tích cực trong phong trào thi đua của thành phố.
- Quyết định số 3716/QĐ-KT ngày 08/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng Danh hiệu tập thể lao động xuất sắc năm học 2019-2020.
- Quyết định số 3564/QĐ-KT ngày 15/10/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu Tập Thể Lao Động Xuất Sắc năm học 2020-2021.
- Quyết định số 3373/QĐ-KT ngày 05/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tặng danh hiệu Tập Thể Lao Động Xuất Sắc năm học 2021-2022.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 tặng giấy khen Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cấp Quận giai đoạn 2023-2024 theo Quyết định số Số 1421/QĐ-UBND ngày 16/05/2023.
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 về công nhận danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến năm học 2023-2024 theo Quyết định số 3082/QĐ-UBND ngày 12/7/2023.
- Bảo hiểm Xã hội TPHCM tặng Giấy khen đã có thành tích trong công tác tuyên truyền, phối hợp thực hiện tốt chính sách Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2023-2024 theo Quyết định số 685/QĐ-BHXH ngày 17/08/2023
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 5 tặng giấy khen Chi bộ Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là gương điển hình “Dân vận khéo” năm 2023 theo Quyết định số 4664/QĐ-UBND ngày 10/10/2023.

**c. Hội thi thiết bị đào tạo các cấp của giáo viên:**

- Giải II Mô hình “Bãi giữ xe ô tô tự động” và giải III Mô hình “Mobile robot” tại Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp quốc gia năm 2016.

- Giải khuyến khích mô hình Hệ thống phun xăng điện tử, tương tác theo thời gian thực trong Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp Thành phố năm 2019.

#### **d. Hội giảng giáo viên các cấp:**

- Năm 2015: 02 giáo viên đạt danh hiệu “Giáo viên dạy giỏi nghề 2015” tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2015.
- Năm 2018: 01 giáo viên đạt danh hiệu “Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giỏi cấp Thành phố năm 2018” tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2018.
- Năm 2020: 01 giáo viên đạt danh hiệu “Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp giỏi cấp Thành phố năm 2020” tại Hội giảng cấp Thành Phố năm 2020.

#### **e. Học sinh tham gia hội thi giỏi nghề các cấp:**

- Hội thi tay nghề quốc gia năm 2018: đoạt 6 huy chương Vàng các nghề Công nghệ ô tô, Bảo trì máy CNC, Lắp ráp mạng thông tin, Quản trị hệ thống mạng công nghệ thông tin; 02 Huy chương Bạc nghề Tự động hóa công nghiệp, 01 giải khuyến khích nghề Điện tử.
- Kỳ thi tay nghề ASEAN lần thứ XI năm 2018 tại Thái Lan: đoạt 2 huy chương Vàng nghề Bảo trì máy CNC; 03 Huy chương Bạc các nghề Công nghệ ô tô, Lắp ráp mạng thông tin.
- Kết quả thi giỏi nghề cấp Thành phố năm 2019 của Trường TCN Kỹ Thuật Công Nghệ Hùng Vương đạt được: 14 giải nhất, 03 giải nhì, 5 giải ba (thông tin chi tiết thí sinh trên Website)
- Kết quả tại kỳ thi Tay nghề Quốc gia lần thứ 11 năm 2020 của Trường TCN Kỹ Thuật Công Nghệ Hùng Vương đạt được: Giải nhất nghề Bảo trì máy CNC, giải Nhất nghề Quản trị hệ thống mạng CNTT, hai giải ba nghề Công nghệ ô tô; giải ba nghề Quản trị hệ thống mạng CNTT.
- Kết quả tại kỳ thi Tay nghề Thành phố năm 2023 đạt được: 07 giải nhất (Công nghệ ô tô: 02, Bảo trì máy CNC: 02, Tự động hóa CN: 02, Quản trị hệ thống mạng CNTT: 01); 01 giải nhì (Quản trị hệ thống mạng CNTT); 04 giải khuyến khích (Thiết kế đồ họa: 02, Điện tử: 01, Điện lạnh: 01)

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đã tuyển sinh và đào tạo được 16 khoá với hơn 10.000 học sinh hệ trung cấp.

### ***1.2. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và triết lý đào tạo của Trường***

**a. Sứ mạng:** Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là cơ sở đào tạo trình độ trung cấp đa ngành, đa lĩnh vực; Là cơ sở nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, giúp người học đạt được mục tiêu nghề nghiệp và có cơ hội học tập suốt đời



**b. Tầm nhìn:** Xây dựng Nhà trường trở thành trường chất lượng cao, cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho quá trình phát triển kinh tế, xã hội trong nước, khu vực và quốc tế.

**c. Giá trị cốt lõi:** Chất lượng, sáng tạo, trách nhiệm.

**d. Triết lý đào tạo:** Thành thạo kỹ năng nghề, tương lai bền vững.

### **1.3. Chức năng, nhiệm vụ của Trường**

#### **a. Chức năng của Trường**

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị sự nghiệp công lập, trực thuộc Ủy ban nhân dân Quận 5, có chức năng đào tạo nhân lực kỹ thuật trực tiếp cho sản xuất, dịch vụ ở trình độ trung cấp, sơ cấp đáp ứng yêu cầu thị trường lao động.

#### **b. Nhiệm vụ của Trường**

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 23 của Luật Giáo dục nghề nghiệp, quy định của pháp luật có liên quan và các quy định sau đây:

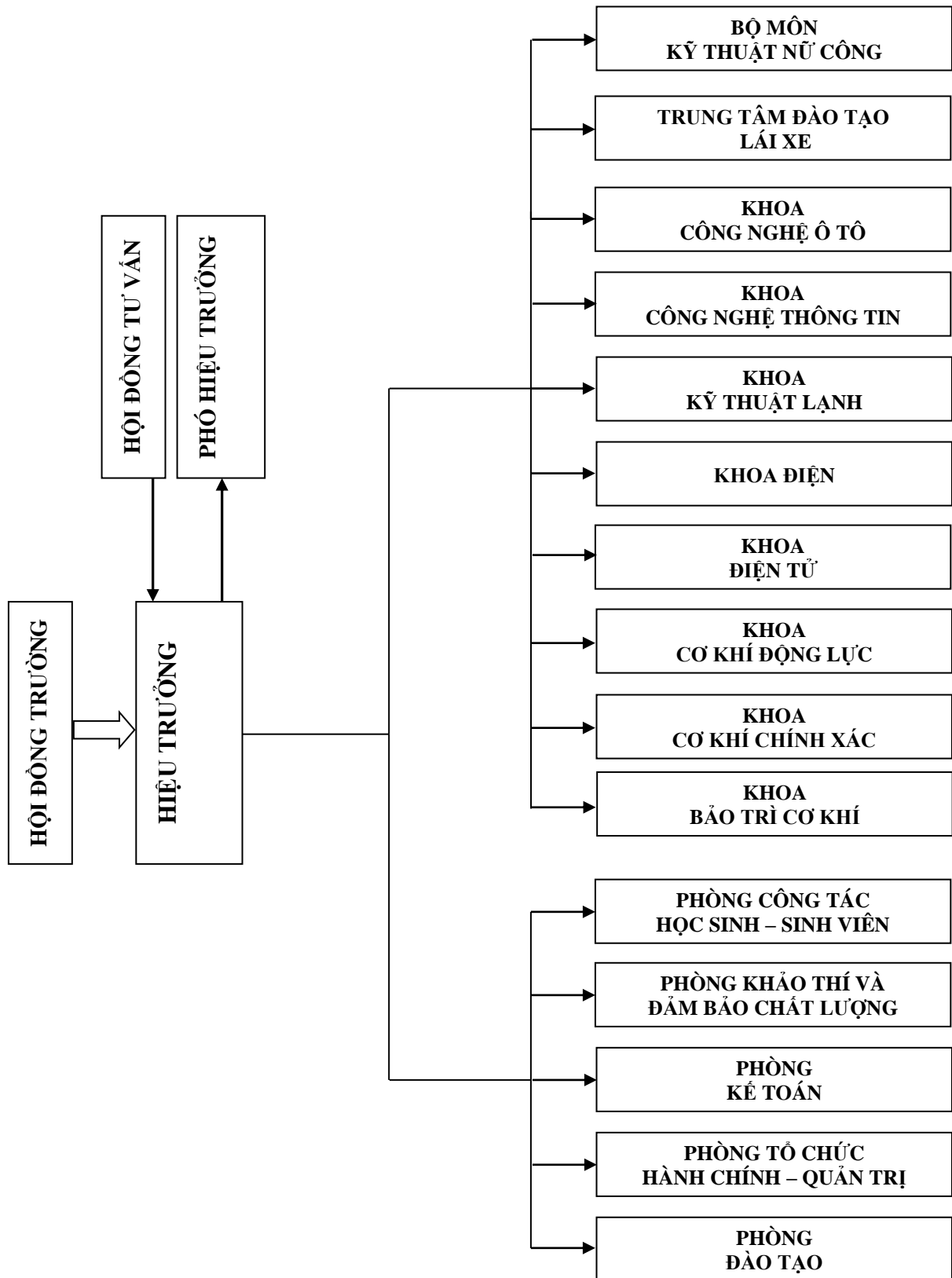
- Tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ sơ cấp và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổ chức biên soạn, xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt và thực hiện các chương trình, giáo trình đào tạo, học liệu đối với từng ngành, nghề đào tạo của trường theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và xã hội;
- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, tổ chức tuyển sinh theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tổ chức các hoạt động đào tạo, kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và in phôi bằng, quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy bỏ bằng tốt nghiệp trung cấp, chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;
- Quản lý người học, tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động giáo dục toàn diện khác cho người học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp, việc làm cho người học và tổ chức hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp theo quy định của pháp luật;
- Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 03 tháng đối với lao động nông thôn, lao động nữ, người khuyết tật và các chính sách khác theo quy định của pháp luật;

- Tuyển dụng, sử dụng, quản lý đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, người lao động của trường đảm bảo đủ về số lượng; phù hợp với ngành nghề, quy mô và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật;
- Cử hoặc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và người lao động của trường học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của pháp luật;
- Phối hợp với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, gia đình người học trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp và tư vấn nghề nghiệp, hướng nghiệp; tổ chức cho đội ngũ nhà giáo, người học tham quan, thực tập tại doanh nghiệp và hỗ trợ giải quyết việc làm cho người học theo quy định của pháp luật;
- Phối hợp với trường Trung học cơ sở, Trung học phổ thông, Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên, Trung tâm giáo dục thường xuyên để tuyên truyền, hướng nghiệp, phân luồng học sinh vào học các trình độ của giáo dục nghề nghiệp;
- Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giáo dục nghề nghiệp, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của bộ, ngành, địa phương;
- Thực hiện dân chủ, công khai theo quy định của pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vào thực tiễn giảng dạy, tư vấn nghề nghiệp và hướng nghiệp cho người học. Có cơ chế để người học tham gia đánh giá hoạt động đào tạo; nhà giáo tham gia đánh giá cán bộ quản lý và người lao động của nhà trường;
- Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, thiết bị và tài chính, tài sản của trường theo quy định của pháp luật;
- Cung cấp dữ liệu về tổ chức hoạt động giáo dục nghề nghiệp của trường để xây dựng cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp; thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

#### ***1.4. Cơ cấu tổ chức nhân sự của Trường***

Hiện tại, Nhà trường có Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, các Hội đồng tư vấn, 05 phòng chức năng, 08 khoa, 01 bộ môn và 01 trung tâm với tổng số nhân sự 72 người.

*\* Cơ cấu tổ chức:*



### 1.5. Tổng số cán bộ, giáo viên, người lao động của Trường

- Tính đến ngày 01/6/2024: 72 người (kể cả Hợp đồng lao động). Trong đó: Nữ: 22

### 1.6. Cơ sở vật chất của nhà trường

Mặt bằng tổng thể của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương với tổng diện tích đất: 16.499,2 m<sup>2</sup>, được bố trí tại:

\* Trụ sở chính: số 161-165 Nguyễn Chí Thanh, phường 12, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh. Trong đó:

- Diện tích xây dựng (tại trụ sở): **2.151,54 m<sup>2</sup>**
- Diện tích cây xanh, lưu thông: **1.613,8 m<sup>2</sup>**

\* Sân tập lái xe hạng B2 tại số 256 Dương Đình Hội, Phường Tăng Nhơn Phú B, Thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

TT	Hạng mục, công trình	Tổng diện tích (m <sup>2</sup> )
1	Khu hiệu bộ	<b>581</b>
2	Phòng học lý thuyết	<b>443</b>
3	Xưởng thực hành	<b>2.860</b>
4	Khu phục vụ	<b>560</b>
-	Thư viện	219
-	Ký túc xá	0
-	Nhà ăn	54
-	phòng Y tế	17
-	Khu thể thao	270
5	Khác (sân trường, đường nội bộ, cây xanh, hành lang, nhà vệ sinh)	<b>2.597</b>
6	Sân tập lái xe	<b>11.120</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>18.161</b>

## 2. Thông tin khái quát về Khoa Cơ khí động lực

### 2.1. Thông tin khái quát

- Tên Khoa: Cơ khí động lực

Khoa Cơ khí động lực được thành lập năm 2015. Căn cứ Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về Điều lệ trường trung cấp; Năm 2022, Nhà trường đã ra Quyết định thành lập và ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của các đơn vị thuộc Trường theo quy định mới theo Quyết định số 188/QĐ-TCNKTCNHV ngày 07 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường TCN KTCN Hùng Vương. Hiện nay, Khoa Cơ khí động lực đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp.

- Kế hoạch, số lượng tuyển sinh, tỷ lệ tốt nghiệp ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp:

TT	Khóa học	Số lượng tuyển sinh		Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp (%)	Ghi chú
		Theo Chỉ tiêu đăng ký	Thực tế		
1.	20K14	180	187	27.27%	51
2.	21K15	180	198	18.18%	36
3.	22K16	180	191	7.32% Đang đào tạo	14 HS TN lớp 22CNO1
4.	23K17	180	157	Đang đào tạo	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>720</b>	<b>733</b>	<b>101</b>	

## 2.2. Cơ cấu tổ chức và nhân sự của đơn vị

**2.2.1. Cơ cấu tổ chức:** Khoa Cơ khí động lực gồm có 01 Phụ trách khoa, 04 giáo viên cơ hữu, 2 giáo viên thỉnh giảng các mô đun, môn học chuyên ngành và 08 giáo viên thỉnh giảng giảng dạy môn học chung.

### 2.2.2. Nhân sự của nghề Công nghệ ô tô:

- Năm học 2022-2023

Tổng số: 14 trong đó: Nữ: 04; 01 phụ trách Khoa, Cơ hữu: 03; Qua ban, thỉnh giảng: 10  
+ Phụ trách khoa: Trưởng phòng Đào tạo

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	Nguyễn Đắc Hiền	1983	Thạc sĩ	Phụ trách Khoa

+ Danh sách giáo viên cơ hữu:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	Phạm Văn Thị	1963	Đại học	Giáo viên cơ hữu
2.	Võ Hồng Tinh	1987	Thạc sĩ	Giáo viên cơ hữu
3.	Ngô Văn Trường	1997	Đại học	Giáo viên cơ hữu
4.	Trần Quang Huy	1962	CD nghề	Giáo viên cơ hữu

+ Danh sách giáo viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	Nguyễn Hữu Nhân	1983	Đại học	Giáo viên qua ban
2.	Huỳnh Trung Nghĩa	1994	Đại học	Giáo viên qua ban
3.	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	1977	Đại học	Giáo viên qua ban
4.	Đặng Thanh Linh		Đại học	Giáo viên qua ban
5.	Nguyễn Hùng Vỹ		Thạc sĩ	Giáo viên qua ban
6.	Lê Thanh Minh		Đại học	Giáo viên qua ban
7.	Trần An Duy		Đại học	Giáo viên qua ban
8.	Trần Mộng Danh	1985	Đại học	Giáo viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
9.	Nguyễn Thị Thủy Tiên	1985	Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
10	Phan Thành Nhân		Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
11	Lương Hữu Thoại		Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng
12	Lê Thị Chung		Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng
13	Lê Thị Hoan		Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
14	Nguyễn Đức Trọng		Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng

**Trình độ, giới tính**

Giáo viên giảng dạy				Kỹ năng nghề bậc 3
Trình độ	Nam	Nữ	Tổng số	
Thạc sĩ	04	01	05	
Đại học	09	03	12	11
Cao đẳng	01	0	01	
<b>Tổng số</b>	<b>15</b>	<b>04</b>	<b>18</b>	<b>11</b>

• **Năm học 2023-2024**

Tổng số: 14 trong đó: Nữ: 04; Cơ hữu: 04; Qua ban, thỉnh giảng: 09

+ Phụ trách khoa: Trưởng phòng Đào tạo

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	Nguyễn Đắc Hiền	1983	Thạc sĩ	Phụ trách Khoa

+ Danh sách giáo viên cơ hữu

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	Phạm Văn Thị	1963	Đại học	Giáo viên cơ hữu
2.	Võ Hồng Tình	1987	Thạc sĩ	Giáo viên cơ hữu
3.	Ngô Văn Trường	1997	Đại học	Giáo viên cơ hữu
4.	Nguyễn Thanh Danh	2000	Đại học	Giáo viên cơ hữu

+ Danh sách giáo viên thỉnh giảng:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
1.	Nguyễn Hữu Nhân	1983	Đại học	Giáo viên qua ban
2.	Huỳnh Trung Nghĩa	1994	Đại học	Giáo viên qua ban
3.	Nguyễn Thị Ngọc Kiều	1977	Đại học	Giáo viên qua ban
4.	Lê Thanh Minh		Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
5.	Đặng Thanh Linh		Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
6.	Nguyễn Thị Thủy Tiên	1985	Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
7.	Lương Hữu Thoại		Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng
8.	Lê Thị Chung		Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng

STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chức danh, Chức vụ
9.	Lê Thị Hoan		Đại học	Giáo viên thỉnh giảng
10	Nguyễn Đức Trọng		Thạc sĩ	Giáo viên thỉnh giảng

### *Trình độ, giới tính*

Giáo viên giảng dạy				Kỹ năng nghề bậc 3
Trình độ	Nam	Nữ	Tổng số	
Thạc sĩ	03	01	04	
Đại học	07	03	10	09
Cao đẳng	00	0	00	
<b>Tổng số</b>	<b>11</b>	<b>04</b>	<b>14</b>	<b>09</b>

### *2.3. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình đào tạo*

STT	Tên phòng học/thực hành	Chức năng	Giảng dạy mô đun/Môn học
1	Phòng E4	Xưởng thực hành	
2	Phòng F2.2; C1.2	Phòng học tiếng Anh	
3	Phòng B6	Xưởng thực hành cơ khí	Kỹ thuật nguội Kỹ thuật hàn
4	Phòng C1.2	Phòng học lý thuyết môn học chung, các môn học kỹ thuật cơ sở	
5	Phòng B1, B2		
6	Phòng B3,B4		
7	Phòng B5		

### *2.2.4. Kinh phí đầu tư cho đào tạo*

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi thường xuyên. Nhà trường có nguồn thu từ học phí, kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù và dịch vụ khác. Hàng năm, trên cơ sở dự toán chi cho hoạt động đào tạo, nhà trường đã nghiên cứu xác định mức chi tối thiểu cho một người học. Theo báo cáo quyết toán các năm, tổng số chi cho đào tạo như sau:

- 2022: 5.800.000.000 đồng
- 2023: 7.800.000.000 đồng

Đề thực hiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, ngoài nguồn thu từ học phí, kinh phí miễn giảm học phí do NSNN cấp bù, Trường còn có nguồn thu từ dịch vụ khác bổ sung. Cụ thể, số liệu kinh phí do NSNN cấp bù của học sinh nghề Công nghệ ô tô ( được miễn, giảm học phí theo quy định) trong 02 năm học:

- Năm 2022-2023: 2.812.100.000 đồng ( tổng 339 học sinh nghề Công nghệ ô tô được miễn giảm theo các QĐ số 06/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 02/02/2023, QĐ số 15/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 09/02/2023; QĐ số 33/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 16/02/2023)

- Năm 2023-2024: 2.891.860.000 (tổng 355 học sinh nghề Công nghệ ô tô được miễn, giảm tại QĐ số 48,49,50,51/QĐ-KTCNHV-HSSV ngày 27/02/2024)

### **3. Thông tin về Chương trình đào tạo ngành, nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp**

#### **3.1. Nội dung chương trình đào tạo năm 2021**

##### **a. Mục tiêu đào tạo:**

##### **• Mục tiêu chung:**

Sau khi học xong chương trình trung cấp Công nghệ ô tô người học có đủ kiến thức kỹ năng làm việc tại các cơ sở kinh doanh, sản xuất và sửa chữa Ôtô.

##### **• Mục tiêu cụ thể:**

- Kiến thức:

- + Vận dụng được các kiến thức an toàn lao động trong thực hiện công việc
- + Vận dụng được các kiến thức cơ bản như hàn, nguội, vẽ kỹ thuật trong công việc bảo dưỡng sửa chữa, thay thế thiết bị ô tô.
- + Hiểu nguyên lý cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phân loại được động cơ đốt trong
- + Thiết lập được qui trình tháo lắp, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế những linh kiện hư hỏng thông thường trong động cơ, hệ thống nhiên liệu, truyền động, hệ thống điện, hệ thống treo,...
- + Phân tích được những nguyên nhân gây hư hỏng thông thường của các hệ thống trên ô tô.

- Kỹ năng

- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ chuyên ngành sửa chữa ô tô và một số dụng cụ thuộc nhóm nghề.
- + Tạo một số dụng cụ gá đặt cần thiết cho công tác sửa chữa.
- + Phát hiện và sửa chữa được những hư hỏng thông thường gặp trên động cơ và các hệ thống bôi trơn, làm mát, nhiên liệu, đánh lửa, truyền động, điều khiển,...
- + Kiểm tra thay thế các chi tiết hư hỏng trong động cơ, khắc phục các sự cố, lỗi kỹ thuật trên ô tô. Sửa chữa các chi tiết như piston, bạc, bơm nhớt, bơm nước, souppap,...hệ thống nhiên liệu (mạch xăng tiêu chuẩn, lỗ tiết lưu chính, các mạch xăng,...), hệ thống nhiên liệu dầu (chỉnh kim phun, bơm cao áp, bugi xông máy,...), hệ thống đánh lửa (bộ biến điện, tụ điện, vít lửa, IC, dây cao áp,...), hệ thống điều khiển (góc lái, độ chụm, xy lanh thẳng, phuộc nhúng,...) và các hệ thống khác trên ô tô



+ Kiểm tra xác định được tình trạng động cơ, hệ thống phanh, khí thải.

• **Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:**

Người học sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội làm việc trong các doanh nghiệp lắp ráp, sản xuất ô tô, các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa với vị trí:

- thợ sửa chữa tại các công ty, doanh nghiệp sửa chữa bảo dưỡng ô tô
- Cố vấn dịch vụ tại các doanh nghiệp mua bán, đại lý ô tô
- Công nhân nhà máy sản xuất phụ tùng, lắp ráp ô tô.

**b. Phương thức đào tạo:** Theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ từ năm học 2017-2018 đến nay.

**c. Tóm tắt nội dung chương trình đào tạo 2021**

Số lượng môn học, mô đun: 26

- Khối lượng kiến thức kỹ năng toàn khóa: 66 Tín chỉ.
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 305 giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1.520 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: 436 giờ; Thực hành, thực tập, kiểm tra: 1.389 giờ

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung/đại cương</b>	<b>17</b>	<b>305</b>	<b>119</b>	<b>170</b>	<b>16</b>
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	6	90	30	56	4
MH07	Kỹ năng phát triển bản thân	1	20	10	9	1
MH08	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	2	30	15	13	2
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>	<b>49</b>	<b>1.520</b>	<b>317</b>	<b>1.143</b>	<b>60</b>
<b>II.1</b>	<b>Môn học, mô đun cơ sở</b>	<b>8</b>	<b>200</b>	<b>62</b>	<b>118</b>	<b>20</b>
MH09-CNO	An toàn lao động	2	32	10	20	2
MH10-CNO	Vẽ kỹ thuật	1	32	10	18	4
MH11-CNO	Kỹ thuật điện tử	1	32	10	18	4
MH12-CNO	Nhập môn ô tô	1	32	10	20	2
MĐ01-CNO	Hàn cơ bản	2	40	12	24	4
MĐ02-CNO	Nguội cơ bản	1	32	10	18	4

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
<b>II.2</b>	<b>Môn học, mô đun chuyên môn</b>	<b>41</b>	<b>1.320</b>	<b>255</b>	<b>1.025</b>	<b>40</b>
MĐ03-CNO	Bảo dưỡng ô tô và tiêu chuẩn khí thải	2	60	18	38	4
MĐ04-CNO	Động cơ xăng	4	100	30	66	4
MĐ05-CNO	Kỹ thuật mô tô xe máy	2	40	12	24	4
MĐ06-CNO	Động cơ diesel	2	60	18	38	4
MĐ07-CNO	Sửa chữa hệ thống điện thân xe	3	80	24	52	4
MĐ08-CNO	Sửa chữa hệ thống điện động cơ	2	60	18	38	4
MĐ09-CNO	Sửa chữa hệ thống gầm ô tô	4	100	30	66	4
MĐ10-CNO	Sửa chữa hệ thống điện lạnh ô tô	2	60	18	38	4
MĐ11-CNO	Phun xăng điện tử và chẩn đoán	4	120	38	78	4
MĐ12-CNO	Anh văn chuyên ngành	2	60	18	38	4
MĐ13-CNO	Thực tập tốt nghiệp	11	480	16	464	0
MĐ14-CNO	Đồ án tốt nghiệp	3	100	15	85	0
<b>Tổng cộng</b>		<b>66</b>	<b>1.825</b>	<b>436</b>	<b>1.313</b>	<b>76</b>

### 3.2 Nội dung chương trình đào tạo năm 2024

#### a. Mục tiêu đào tạo:

• **Mục tiêu chung:**

Sau khi học xong chương trình người học có đủ kiến thức kỹ năng làm việc tại các cơ sở kinh doanh, sản xuất và sửa chữa Ôtô.

• **Mục tiêu cụ thể:**

- Kiến thức:
  - + Vận dụng được các kiến thức an toàn lao động trong thực hiện công việc
  - + Vận dụng được các kiến thức cơ bản như hàn, nguội, vẽ kỹ thuật trong công việc bảo dưỡng sửa chữa, thay thế thiết bị ô tô.
  - + Hiểu nguyên lý cấu tạo, nguyên lý hoạt động và phân loại được động cơ đốt trong
  - + Thiết lập được qui trình tháo lắp, kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế những linh kiện hư hỏng thông thường trong động cơ, hệ thống nhiên liệu, truyền động, hệ thống điện, hệ thống treo,...
  - + Phân tích được những nguyên nhân gây hư hỏng thông thường của các hệ thống trên ô tô.

- Kỹ năng:

- + Thực hiện được các biện pháp an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.
- + Sử dụng thành thạo các loại dụng cụ chuyên ngành sửa chữa ô tô và một số dụng cụ thuộc nhóm nghề.
- + Tạo một số dụng cụ gá đặt cần thiết cho công tác sửa chữa.
- + Phát hiện và sửa chữa được những hư hỏng thường gặp trên động cơ và các hệ thống bôi trơn, làm mát, nhiên liệu, đánh lửa, truyền động, điều khiển,...
- + Kiểm tra thay thế các chi tiết hư hỏng trong động cơ, khắc phục các sự cố, lỗi kỹ thuật trên ô tô. Sửa chữa các chi tiết như piston, bạc, bơm nhớt, bơm nước, souppap,... hệ thống nhiên liệu (mạch xăng tiêu chuẩn, lỗ tiết lưu chính, các mạch xăng,...), hệ thống nhiên liệu dầu (chỉnh kim phun, bơm cao áp, bugi xông máy,...), hệ thống đánh lửa (bộ biến điện, tụ điện, vít lửa, IC, dây cao áp,...), hệ thống điều khiển (góc lái, độ chụm, xylanh thẳng, phuộc nhúng,...) và các hệ thống khác trên ô tô
- + Kiểm tra xác định được tình trạng động cơ, hệ thống phanh, khí thải.
  - Mức độ tự chủ và trách nhiệm

### **b. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Người học sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội làm việc trong các doanh nghiệp lắp ráp, sản xuất ô tô, các trung tâm bảo dưỡng và sửa chữa với vị trí:

- thợ sửa chữa tại các công ty, doanh nghiệp sửa chữa bảo dưỡng ô tô
- Cố vấn dịch vụ tại các doanh nghiệp mua bán, đại lý ô tô
- Công nhân nhà máy sản xuất phụ tùng, lắp ráp ô tô.

### **c. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 58 tín chỉ
- Số lượng môn học, mô đun: 24
- Khối lượng học tập các môn học chung: 295 giờ
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: 1.390 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 386 giờ; thực hành, thực tập: 1.264 giờ

### **d. Tổng hợp các năng lực của ngành, nghề**

<b>TT</b>	<b>Mã năng lực</b>	<b>Tên năng lực</b>
<b>I</b>	<b>Năng lực cơ bản (năng lực chung)</b>	
1	NLCB-01	Giáo dục Chính trị
2	NLCB-02	Pháp luật
3	NLCB-03	Giáo dục thể chất
4	NLCB-04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	NLCB-05	Tin học
6	NLCB-06	Tiếng Anh
7	NLCB-07	Kỹ năng phát triển bản thân và nghề nghiệp
<b>II</b>	<b>Năng lực cốt lõi (năng lực chuyên môn)</b>	
1	NLCL-01	Bảo dưỡng ô tô và tiêu chuẩn khí thải
2	NLCL-02	Động Cơ xăng
3	NLCL-03	Động Cơ Diesel
4	NLCL-04	Sửa chữa HT Điện thân xe
5	NLCL-05	Sửa chữa HT Điện động cơ
6	NLCL-06	Kỹ Thuật mô tô xe máy

7	NLCL-07	Sửa chữa HT Gầm Ôtô
8	NLCL-08	Sửa chữa Hệ thống Điện lạnh Ôtô
<b>III</b>	<b>Năng lực nâng cao</b>	
1	NLNC-01	Phun xăng Điện tử và chẩn đoán
2	NLNC-02	Thực tập Tốt nghiệp
3	NLNC-03	Đồ án tốt nghiệp

**e. Nội dung chương trình đào tạo năm 2024**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>					
MH01	Giáo dục Chính trị	1	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	3	90	36	56	4
MH07	Kỹ năng phát triển bản thân và nghề nghiệp	1	30	14	15	1
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	<b>7</b>	<b>200</b>	<b>62</b>	<b>118</b>	<b>20</b>
MĐ 01	Hàn Cơ bản	2	40	12	24	4
MĐ 02	Nguội Cơ bản	1	32	10	18	4
MH 08	An toàn Lao động	1	32	10	20	2
MH 09	Vẽ Kỹ thuật	1	32	10	18	4
MH 10	Kỹ thuật điện tử	1	32	10	18	4
MH 11	Nhập môn Ôtô	1	32	10	20	2
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn					
MĐ 03	Bảo dưỡng ô tô và tiêu chuẩn khí thải	2	60	18	38	4
MĐ 04	Động Cơ xăng	3	80	26	50	4
MĐ 05	Động Cơ Diesel	2	42	12	26	4
MĐ 06	Sửa chữa HT Điện thân xe	2	60	12	44	4
MĐ 07	Sửa chữa HT Điện động cơ	2	60	18	38	4
MĐ 08	Kỹ Thuật mô tô xe máy	2	40	12	24	4
MĐ 09	Sửa chữa HT Gầm Ôtô	3	80	26	50	4
MĐ 10	Sửa chữa Hệ thống Điện lạnh Ôtô	2	60	18	38	4
MĐ 11	Phun xăng Điện tử và chẩn đoán	3	80	26	50	4
MĐ 12	Thực tập Tốt nghiệp	15	540		540	0
MĐ 13	Đồ án tốt nghiệp	4	100	15	85	0
II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao					
<b>Tổng cộng</b>		<b>58</b>	<b>1687</b>	<b>386</b>	<b>1264</b>	<b>70</b>

### 3.3. Nội dung cập nhật của chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô năm 2024 so với năm 2021

Nhà trường ra thông báo số 79/TB-KTCNHV-ĐT ngày 25/12/2023 về hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp để cập nhật các công nghệ mới phù hợp với thực tiễn giáo dục và nhu cầu xã hội, doanh nghiệp trong quá trình bồi dưỡng giáo viên thực tập tại doanh nghiệp và liên kết thực tập doanh nghiệp cho học sinh nhà trường.

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình. Nhà trường đã hiệu chỉnh và ban hành lại quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp của Nhà trường.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu chỉnh CTĐT năm 2024 cập nhật theo cấu trúc CTĐT mới gồm các nội dung:

Một nội dung mới cập nhật vào CTĐT và GTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2024 như sau:

- Khối lượng Modul/Môn học: từ 26 MĐ/MH giảm còn 24 MĐ/MH
- Khối lượng kiến thức kỹ năng toàn khóa: từ 66 tín chỉ giảm còn 58 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: từ 305 giờ còn 285 giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: từ 1.520 giờ còn 1402 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: từ 436 giờ còn 359 giờ; Thực hành, thực tập, kiểm tra: từ 1.389 giờ giảm còn 1334 giờ.

STT	Nội dung điều chỉnh, cập nhật trong chương trình Môn học/ mô đun				
	NĂM 2021		NĂM 2024		
Mã MH, MĐ	Tên môn học/mô đun		Mã MH, MĐ	Tên môn học/mô đun	
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>		<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	
MH01	Giáo dục chính trị	30	MH01	Giáo dục Chính trị	30
MH02	Pháp luật	15	MH02	Pháp luật	15
MH03	Giáo dục thể chất	30	MH03	Giáo dục thể chất	30
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	45	MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	45
MH05	Tin học	45	MH05	Tin học	45
MH06	Tiếng Anh	90	MH06	Tiếng Anh	90
MH07	Kỹ năng phát triển bản thân	20	MH07	Kỹ năng phát triển bản thân và nghề nghiệp	30
MH08	Kỹ năng phát triển nghề nghiệp	20			

<b>II Các môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>			<b>II Các môn học, mô đun chuyên môn</b>			
<b>II.1 Môn học, mô đun cơ sở</b>			<b>II.1 Môn học, mô đun cơ sở</b>			
<b>Tổng số 8 tín chỉ</b>			<b>Tổng số 7 tín chỉ</b>			
MH09-CNO	An toàn lao động	32	MH 08	An toàn Lao động	32	- Chuyển mã từ “MH09-CNO-CNO” thành “MH08” - Bổ sung Bài: Ôn tập và kiểm tra 2 tín chỉ thành 1 tín chỉ
MH10-CNO	Vẽ kỹ thuật	32	MH 09	Vẽ Kỹ thuật	32	- Chuyển mã từ “MH10-CNO” thành MH09” - Thay đổi 4 giờ kiểm tra thành 3 giờ - Bổ sung Bài: Ôn tập và kiểm tra
MH11-CNO	Kỹ thuật điện tử	32	MH 10	Kỹ thuật điện tử	32	-Chuyển mã “MH11-CNO-CNO” thành “MH10”
MH12-CNO	Nhập môn ô tô	32	MH 11	Nhập môn Ôtô	32	-Chuyển mã “MH12-CNO” thành “MH11” - Thay đổi 4 giờ kiểm tra thành 3 giờ
MĐ01-CNO	Hàn cơ bản	40	MĐ 01	Hàn Cơ bản	40	-Chuyển mã “MĐ01-CNO” thành “MĐ01”
MĐ02-CNO	Nguội cơ bản	32	MĐ 02	Nguội Cơ bản	32	-Chuyển mã “MĐ02-CNO” thành “MĐ02”
<b>II.2 Môn học, mô đun chuyên môn ngành, nghề</b>			<b>II.2 Môn học, mô đun chuyên môn</b>			
MĐ03-CNO	Bảo dưỡng ô tô	80	MĐ 03	Bảo dưỡng ô tô và tiêu chuẩn khí thải	60	Thay đổi tên mô đun từ “Bảo dưỡng ô tô” thành “Bảo dưỡng ô tô và tiêu chuẩn khí thải” -Chuyển mã “MĐ03-CNO” thành “MĐ03” Giảm số giờ đào tạo từ 80 còn 60 giờ
MĐ04-CNO	Động cơ xăng	80	MĐ 04	Động Cơ xăng	80	-Chuyển mã “MĐ04-CNO” thành “MĐ04”
MĐ05-CNO	Kỹ thuật mô tô xe máy	80	MĐ 08	Kỹ Thuật mô tô xe máy	40	-Chuyển mã “MĐ05-CNO” thành “MĐ08”

						Giảm số giờ đào tạo từ 80 còn 40 giờ
MĐ06-CNO	Động cơ diesel	60	MĐ 05	Động Cơ Diesel	42	-Chuyển mã “MĐ06-CNO” thành “MĐ05” Giảm số giờ đào tạo từ 60 còn 42 giờ
MĐ07-CNO	Sửa chữa hệ thống điện thân xe	80	MĐ 06	Sửa chữa HT Điện thân xe	60	Thay đổi tên mô đun từ “Sửa chữa hệ thống điện thân xe” thành “Sửa chữa HT Điện thân xe” -Chuyển mã “MĐ07-CNO” thành “MĐ06” Giảm số giờ đào tạo từ 80 còn 60 giờ
MĐ08-CNO	Sửa chữa hệ thống điện động cơ	60	MĐ 07	Sửa chữa HT Điện động cơ	60	Thay đổi tên mô đun từ “Sửa chữa hệ thống điện động cơ” thành “Sửa chữa HT Điện động cơ” -Chuyển mã “MĐ08-CNO” thành “MĐ07”
MĐ09-CNO	Sửa chữa hệ thống gầm ô tô	100	MĐ 09	Sửa chữa HT Gầm Ô tô	80	Thay đổi tên mô đun từ “Sửa chữa hệ thống gầm ô tô” thành “Sửa chữa HT Gầm Ô tô” -Chuyển mã “MĐ09-CNO” thành “MĐ09” Giảm số giờ đào tạo từ 100 còn 80 giờ
MĐ10-CNO	Sửa chữa hệ thống điện lạnh ô tô	60	MĐ 10	Sửa chữa Hệ thống Điện lạnh Ô tô	60	Thay đổi tên mô đun từ “Sửa chữa hệ thống điện lạnh ô tô” thành “Sửa chữa Hệ thống Điện lạnh Ô tô” -Chuyển mã “MĐ10-CNO” thành “MĐ10”
MĐ11-CNO	Phun xăng điện tử và chẩn đoán	120	MĐ 11	Phun xăng Điện tử và chẩn đoán	80	-Chuyển mã “MĐ11-CNO” thành “MĐ11” Giảm số giờ đào tạo từ 120 còn 80 giờ
MĐ12-CNO	Anh văn chuyên ngành	60	Bỏ mô đun MD12-CNO – Anh văn chuyên ngành			
MĐ13-CNO	Thực tập tốt nghiệp	480	MĐ 12	Thực tập Tốt nghiệp	540	-Chuyển mã “MĐ13-CNO” thành “MĐ12” Tăng số giờ thực tập từ 480 giờ lên 540 giờ

MĐ14- CNO	Đồ án tốt nghiệp	100	MĐ 13	Đồ án tốt nghiệp	100	-Chuyển mã “MĐ14- CNO” thành “MĐ13”
			II.3	Môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	Không có	



## **PHẦN II KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Thông qua kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, thương hiệu, uy tín của Trường sẽ được xã hội biết đến và thừa nhận.

### **1. TỔNG QUAN CHUNG**

#### **1.1. Căn cứ tự đánh giá chất lượng đào tạo chương trình**

- Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp;
- Căn cứ Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 6 năm 2017 V/v quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Căn cứ Thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 V/v quy định hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục nghề nghiệp.
- Căn cứ Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025.
- Căn cứ Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/3/2019 của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp về việc hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng năm 2019.

#### **1.2. Mục đích tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo của Trường theo bộ tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng trường trung cấp. Qua đó, huy động tất cả các đơn vị trong toàn trường cùng thực hiện công tác tự đánh giá hàng năm.
- Thu thập, xử lý thông tin, minh chứng để chứng minh mức độ đạt được của trường đối với chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô dựa trên hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Tạo cơ sở để triển khai đánh giá chất lượng toàn bộ các chương trình đào tạo hệ trung cấp tại Trường.
- Xây dựng, thực hiện và duy trì tốt các tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng đã đạt được, đồng thời khắc phục những tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt; qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu của Trường.

#### **1.3. Yêu cầu tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

- Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.
- Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.
- Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

- Kết quả tự đánh giá chất lượng phải được công khai trong nội bộ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.
- Đảm bảo đúng quy trình, thời gian quy định.

#### **1.4. Phương pháp tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo**

- Nghiên cứu Hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo do Tổng cục GDNN ban hành, hướng dẫn đánh giá các chỉ số kèm theo.
- Thu thập thông tin, rà soát, phân tích chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đưa ra chứng cứ để chứng minh.
- Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên, người học và người sử dụng lao động.
- Thu thập hồ sơ, minh chứng tự đánh giá của từng đơn vị theo bảng phân công phục trách tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số đánh giá
- Xây dựng báo cáo tự đánh giá của Hội đồng đánh giá
- Sử dụng các công cụ, biểu mẫu, qui trình đánh giá.
- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo và gửi báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về các cấp quản lý có liên quan.

#### **1.5. Các bước tiến hành tự đánh giá**

- Thực hiện công tác chuẩn bị tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. (Lập kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo; Thành lập Hội đồng tự đánh giá; Hướng dẫn về công tác thu thập minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo)
- Thực hiện thu thập minh chứng để đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của các phòng chức năng và Khoa chuyên môn.
- Dự thảo Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT, lấy ý kiến góp ý.
- Họp thông qua, phê duyệt và công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong Trường.
- Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố.

## 2. TỰ ĐÁNH GIÁ

### 2.1. TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CTĐT

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số	Điểm chuẩn	Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT
	<b>Tổng cộng điểm</b>	<b>100</b>	<b>Đạt - 94</b>
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính</b>	<b>06</b>	<b>06</b>
1.1	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	02	02
1.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	02	02
1.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	02	02
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo</b>	<b>14</b>	<b>12</b>
2.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	02	02
2.2	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	02	02
2.3	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	02	02
2.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	02
2.5	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	02	02
2.6	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	02	02
2.7	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	02	00
<b>3</b>	<b>Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
3.1	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	02	02

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT</b>
3.2	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	02
3.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	02	00
3.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	02	02
3.5	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	02	02
3.6	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	02	02
3.7	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	02	02
3.8	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	02	02
<b>4</b>	<b>Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình</b>	<b>24</b>	<b>22</b>
4.1	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	02	02
4.2	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	02	02
4.3	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	02	02
4.4	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	02	02
4.5	Tiêu chuẩn 5: Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo. Giáo trình được rà soát, điều chỉnh, bổ sung	02	02
4.6	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	02
4.7	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	02	02
4.8	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	02	00
4.9	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	02	02
4.1	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn,	02	02

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT</b>
0	thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.		
4.1 1	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	02	02
4.1 2	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	02
<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
5.1	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	02	02
5.2	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	02	02
5.3	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	02	02
5.4	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	02	02
5.5	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	02	02
5.6	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	02	02
5.7	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	02	02
5.8	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.	02	02
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học</b>	<b>08</b>	<b>08</b>
6.1	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	02	02
6.2	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp	02	02

<b>TT</b>	<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn, chỉ số</b>	<b>Điểm chuẩn</b>	<b>Tự đánh giá của cơ sở GDNN về CTĐT</b>
	thời cho người học trong quá trình học tập.		
6.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	02	02
6.4	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	02	02
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng</b>	<b>16</b>	<b>14</b>
7.1	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	02	02
7.2	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	02	02
7.3	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	02	02
7.4	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	02	02
7.5	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	02	02
7.6	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	02	02
7.7	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	02	02
7.8	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	02	02

## **2.2. TỰ ĐÁNH GIÁ THEO TỪNG TIÊU CHÍ, TIÊU CHUẨN**

### **2.2.1 TIÊU CHÍ 1 - MỤC TIÊU, QUẢN LÝ VÀ TÀI CHÍNH**

**Mở đầu:**

Được thành lập từ năm 2015, nghề Công nghệ ô tô của Trường đã được lựa chọn là nghề trọng điểm cấp độ Quốc tế theo Quyết định số 1769/QĐ-BLĐTBXH ngày 25/11/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Có được kết quả đó là do:

\* *Những điểm mạnh:* Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định; Nhà trường có Quyết định giao nhiệm vụ cụ thể cho Khoa Cơ khí động lực phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo; Hàng năm, Nhà trường căn cứ Định mức kinh tế kỹ thuật của chương trình đào tạo để xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

\* *Những tồn tại:* Không có

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:* Không có

### **Điểm đánh giá tiêu chí 1**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 1</b>	<b>06/06</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02

### **2.2.2 TIÊU CHÍ 2: HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO**

\* Các điểm mạnh:

- Nhà trường thực hiện tốt phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.
- Nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Các nhà giáo đã khai thác, sử dụng tốt các phần mềm áp dụng có hiệu quả trong việc dạy học và quản lý đào tạo.
- Nhà trường đã phối hợp tốt với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho học sinh thực hành, thực tập tại doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp.
- Nhà trường vận hành tốt các quy trình đảm bảo chất lượng trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tổ chức kiểm tra, thi kết thúc MH/MĐ, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng theo quy định.

\* *Những tồn tại:* chưa tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Xây dựng chương trình đào tạo liên thông trình độ sơ cấp lên trung cấp; phối hợp với 1 số trường cao đẳng trong khu vực để đào tạo liên thông từ trung cấp lên cao đẳng.

**Điểm đánh giá tiêu chí 2.**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 2</b>	<b>14/12</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	00

**2.2.3 TIÊU CHÍ 3: NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN.**

***Mở đầu:***

Được thành lập từ năm 2015, Khoa Cơ khí động lực có 01 Phụ trách Khoa 04 giáo viên cơ hữu giảng dạy các môn học, mô-đun cơ sở và chuyên ngành. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên thường xuyên được bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý và chuyên môn, lý luận chính trị, tích cực tham gia các Hội giảng nhà giáo, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm – nghiên cứu khoa học.

\* *Những điểm mạnh*

Các nhà giáo của Khoa Cơ khí động lực có tay nghề cao, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; nhà giáo được tham gia bồi dưỡng các khóa đào tạo chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu của cá nhân và đơn vị. Hằng năm, Khoa Cơ khí động lực và các nhà giáo hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao.

\* *Điểm tồn tại*: Chưa đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Đầu năm học 2023-2024, Nhà trường thực hiện tuyển dụng bổ sung giáo viên cơ hữu giảng dạy chuyên môn nghề Công nghệ ô tô nhằm đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo.

**Điểm đánh giá tiêu chí 3**

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
<b>Tiêu chí 3</b>	<b>14/16</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02



<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
Tiêu chuẩn 3	00
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

## **2.2.4 TIÊU CHÍ 4: CHƯƠNG TRÌNH, GIÁO TRÌNH**

### **Mở đầu**

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng, thẩm định, ban hành, đưa vào sử dụng từ năm học 2017 - 2018 theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH. Nhà trường đã hiệu chỉnh lần 1 vào năm 2019 và lần 2 vào năm 2021 và hiện đã thực hiện hiệu chỉnh lần 3 vào tháng 07 năm 2024, Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp, sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp và thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giáo viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, phương pháp đánh giá kết quả học tập. Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Nhà trường ra thông báo số 79/TB-KTCNHV-ĐT ngày 25/12/2023 về hiệu chỉnh chương trình đào tạo trình độ trung cấp để cập nhật các công nghệ mới phù hợp với thực tiễn giáo dục và nhu cầu xã hội, doanh nghiệp trong quá trình bồi dưỡng giáo viên thực tập tại doanh nghiệp và liên kết thực tập doanh nghiệp cho học sinh nhà trường.

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình. Nhà trường đã hiệu chỉnh và ban hành lại quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo và giáo trình đào tạo trình độ trung cấp của Nhà trường. Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện hiệu chỉnh CTĐT năm 2024 cập nhật theo cấu trúc CTĐT mới gồm các nội dung:

Tất cả các môn học và mô đun chuyên môn nghề đều có đủ giáo trình đào tạo do trường biên soạn. Các giáo trình đào tạo sau khi biên soạn đều được hội đồng thẩm định theo quy trình hướng dẫn tại Các bộ giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp đều thể hiện được các yêu cầu: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực và đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Một nội dung mới cập nhật vào CTĐT và GTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2024 như sau:

- Khối lượng Modul/Môn học: từ 26 MĐ/MH giảm còn 24 MĐ/MH
- Khối lượng kiến thức kỹ năng toàn khóa: từ 66 tín chỉ giảm còn 58 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: từ 305 giờ còn 285 giờ.
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: từ 1.520 giờ còn 1402 giờ.
- Khối lượng lý thuyết: từ 436 giờ còn 359 giờ; Thực hành, thực tập, kiểm tra: từ 1.389 giờ giảm còn 1334 giờ.

*\* Những điểm mạnh*

- Chương trình đào tạo của trường được xây dựng, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật luôn đảm bảo được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.
- Cơ sở vật chất, phương pháp đánh giá kết quả học tập, yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô - đun, môn học được xác định cụ thể để triển khai thực hiện chương trình đào tạo.
- Sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô - đun, môn học phù hợp đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, nghề, địa phương và phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.
- Có đủ giáo trình cho 100% mô - đun, môn học của chương trình đào tạo, các giáo trình được biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

*\* Điểm tồn tại:* Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp chưa đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

*\* Kế hoạch nâng cao chất lượng*

- Trường thực hiện rà soát, điều chỉnh chương trình, giáo trình đào tạo trong năm 2024 nhằm đảm bảo phù hợp với yêu cầu cập nhật công nghệ mới và phương pháp đào tạo tích cực đảm bảo các quy định theo thông tư số 01/2024/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
- Tiếp tục lập kế hoạch định kỳ khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các nhà tuyển dụng, người học tốt nghiệp và các tổ chức khác để bổ sung điều chỉnh chương trình, giáo trình cho các năm tiếp theo.
- Tìm kiếm đơn vị, thực hiện hợp tác/liên kết, đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp với các trường đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân.

**Điểm đánh giá tiêu chí 4**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 4</b>	<b>22/24</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02

Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	00
Tiêu chuẩn 9	02
Tiêu chuẩn 10	02
Tiêu chuẩn 11	02
Tiêu chuẩn 12	02

## **2.2.5 TIÊU CHÍ 5: CƠ SỞ VẬT CHẤT, THIẾT BỊ ĐÀO TẠO VÀ THƯ VIỆN**

### **Mở đầu:**

Nghề Công nghệ ô tô, trình độ trung cấp của Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt tại Quyết định số 1769/QĐ-LĐTBXH ngày 25/11/2019 phê duyệt ngành, nghề trọng điểm; trường được lựa chọn ngành, nghề trọng điểm giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025. Theo đó, nghề Công nghệ ô tô là nghề trọng điểm cấp độ khu vực ASEAN (nghề trọng điểm ASEAN). Vì vậy, nghề Công nghệ ô tô được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo từ nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia việc làm và an toàn định kỳ.

### **\* Những điểm mạnh:**

- Trường đảm bảo phòng học lý thuyết, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước theo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Các chủng loại thiết bị, số lượng thiết bị đào tạo cơ bản đáp ứng yêu cầu của CTĐT và quy mô, yêu cầu đào tạo. Các thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định. Ngoài ra, thư viện của Trường có đầy đủ chương trình, giáo trình, các máy tính kết nối mạng và các phòng tự học đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.
- Bên cạnh đó, thư viện có đủ chương trình, giáo trình đào tạo đã được Trường phê duyệt, ban hành; mỗi loại giáo trình của nghề CGKL có đủ 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và học sinh; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/học sinh; Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

### **\* Những tồn tại: không có**

### **\* Kế hoạch nâng cao chất lượng:**

- Trường sẽ tiếp tục đề nghị đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo đáp ứng theo quy định về phòng học chuyên môn, về chủng loại, số lượng thiết bị theo quy định của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Khoa tiếp tục duy trì và thực hiện triệt để việc bố trí, sắp xếp và sử dụng dụng cụ, thiết bị tại các phòng học thực hành chuyên môn theo tiêu chuẩn 5S.
- Để đáp ứng được yêu cầu về sự thay đổi của khoa học kỹ thuật, Trường tiếp tục bố trí giáo viên cơ hữu của khoa tham gia các lớp tập huấn nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ chuyên môn.

### **Điểm đánh giá tiêu chí 5**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 5</b>	<b>16/16</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

### **2.2.6. TIÊU CHÍ 6 - DỊCH VỤ CHO NGƯỜI HỌC**

#### ***Mở đầu***

Với phương châm “***Lấy người học làm trung tâm***”, ngoài chất lượng giảng dạy, Trường TCN KTCN Hùng Vương luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về ngành, nghề đào tạo, khoá đào tạo, các dịch vụ khác như ăn, ở, chăm sóc sức khoẻ, vui chơi giải trí và các quy định khác của trường ngay từ khi nhập học.

Đặc biệt trường chú trọng đến công tác giới thiệu việc làm cho học sinh ra trường. Trong những năm qua, nhà trường đã đào tạo được nhiều lao động kỹ thuật có tay nghề đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp trên 85% học sinh sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm phù hợp với nghề.

#### ***\* Những điểm mạnh:***

+ Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học. Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Nhà trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.

+ Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau

khi tốt nghiệp; thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

\* *Những tồn tại: không có*

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng: Không có*

### **Điểm đánh giá tiêu chí 6**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chí 6</b>	<b>08/08</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02

### **2.2.7. TIÊU CHÍ 7: Giám sát, đánh giá chất lượng**

#### ***Mở đầu:***

Một trong những nội dung quan trọng làm cơ sở đánh giá, cải tiến chất lượng đào tạo là khảo sát ý kiến đánh giá của đơn vị sử dụng lao động; ý kiến của cán bộ, nhân viên, giáo viên giảng dạy và ý kiến của người học, người học tốt nghiệp. Định kỳ hàng năm, nhà trường thực hiện thu thập ý kiến doanh nghiệp sử dụng lao động; ý kiến cán bộ quản lý; viên chức, giáo viên và học sinh tốt nghiệp, học sinh đang theo học tại: về chất lượng đào tạo, chương trình, giáo trình đào tạo; về mức độ đáp ứng của người học sau khi tốt nghiệp làm việc tại doanh nghiệp; về các dịch vụ phục vụ người học.... trong quá trình đào tạo nhằm nắm bắt những mặt còn tồn tại để nâng cao chất lượng đào tạo.

\* *Những điểm mạnh*

+ Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp; Thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý; Thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

+ Hàng năm, Nhà trường thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định; Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.

\* *Những tồn tại: Không có*

\* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Nhà trường nên khắc phục những tồn tại sau Tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo hàng năm.

**Điểm đánh giá tiêu chí 7**

<b>Tiêu chí, tiêu chuẩn</b>	<b>Điểm tự đánh giá</b>
Tiêu chí 7	<b>14/16</b>
Tiêu chuẩn 1	02
Tiêu chuẩn 2	02
Tiêu chuẩn 3	02
Tiêu chuẩn 4	02
Tiêu chuẩn 5	02
Tiêu chuẩn 6	02
Tiêu chuẩn 7	02
Tiêu chuẩn 8	02

**Phần III. TỔNG KẾT NHỮNG ĐIỂM MẠNH, ĐIỂM CẦN CẢI THIỆN**

**1. Điểm mạnh của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài**

- Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

- Nhà trường có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp đảm bảo có chất lượng.

- Nhà trường thực hiện tốt phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ trung cấp, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học.

- Nhà trường thực hiện tốt việc ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Các nhà giáo đã khai thác, sử dụng tốt các phần mềm áp dụng có hiệu quả trong việc dạy học và quản lý đào tạo.

- Nhà trường đã phối hợp tốt với các doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho học sinh thực hành, thực tập tại doanh nghiệp và giới thiệu việc làm cho học sinh sau tốt nghiệp.

- Nhà trường vận hành tốt các quy trình đảm bảo chất lượng trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, tổ chức kiểm tra, thi kết thúc MH/MĐ, xét công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng theo quy định.

- Các nhà giáo của Khoa Cơ khí động lực có tay nghề cao, đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ; nhà giáo được tham gia bồi dưỡng các khóa đào tạo chuyên môn, đáp ứng tốt yêu cầu của cá nhân và đơn vị; tham gia thiết bị tự làm và hội thi nhà giáo GDNN cấp cơ sở. Hằng năm, Khoa Cơ khí động lực và các nhà giáo hoàn thành tốt các nhiệm vụ của Nhà trường giao.

- Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp của trường được xây dựng, điều chỉnh theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, quy trình xây dựng, biên soạn khoa học, có sự tham gia, đóng góp của chuyên gia và doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động, được thiết kế phù hợp với nhu cầu đào tạo cũng như thực tế sản xuất của địa phương đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp.

- Chương trình đào tạo được xây dựng với cấu trúc chương trình hợp lý, thuận lợi cho việc liên thông và phù hợp với nhiều đối tượng người học, được cập nhật, điều chỉnh và bổ sung theo quy định.

- Có đủ giáo trình cho 100% mô - đun, môn học của chương trình đào tạo, các giáo trình được biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

- Trường có đủ các phòng học chuyên môn hóa, đủ thiết bị đáp ứng theo quy định. Nhà trường có hợp tác với doanh nghiệp để thuê thiết bị đào tạo nhằm đáp ứng chủng loại thiết bị tối thiểu theo quy định.

- Thư viện của Trường có đầy đủ chương trình, giáo trình, các máy tính kết nối mạng và các phòng tự học đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu. Số hoá giáo trình, tài liệu tham khảo trên thư viện điện tử.

- Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về CTĐT; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

- Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Nhà trường có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập. Thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

- Trường thực hiện tốt công tác khảo sát, thu thập ý kiến của các đối tượng liên quan về các hoạt động đào tạo.

- Người học tốt nghiệp CTĐT của Trường đáp ứng được yêu cầu công việc tại doanh nghiệp, có việc làm đúng chuyên môn với tỷ lệ cao và thu nhập ổn định.

## **2. Điểm cần cải thiện của chương trình đào tạo được đánh giá ngoài**

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chương trình, giáo trình, đáp ứng được nhu cầu của học sinh và phát triển của xã hội.

- Tăng cường bổ sung sách, tài liệu tham khảo chuyên ngành hiện đại để học sinh có thể tiếp cận được với kiến thức và công nghệ mới trong nước, ASEAN và quốc tế.

- Nhà trường cần đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp theo quy định.

- Nhà trường cần phân công công tác giảng dạy cho giáo viên đảm bảo không vượt quá 200 giờ so với giờ giảng định mức theo quy định.

- Nhà trường cần xây dựng chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô giữa trình độ đào tạo của trường với các trường trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Nhà trường cần tiếp tục đề xuất mua sắm, tự trang bị nhằm đáp ứng số lượng thiết bị tối thiểu theo quy định. Tiếp tục đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất, trang

thiết bị phục vụ giảng dạy đồng bộ, hiện đại, đáp ứng tiêu chuẩn của ngành/nghề và chuẩn ASEAN.

- Nhà trường cần khắc phục toàn bộ tồn tại sau tự đánh giá để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

#### **PHẦN IV: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trường Trung cấp nghề Kỹ thuật Công nghệ Hùng Vương đề xuất Cơ quan quản lý Nhà nước cần có các chính sách khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tiên hành tự kiểm định để nâng cao chất lượng chương trình đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đồng thời nên có cơ chế, chính sách hỗ trợ hoặc tăng cường nguồn lực về cơ sở vật chất, thiết bị cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt điểm cao khi đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo./.

Quận 5, ngày 16 tháng 10 năm 2024

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Ngọc Hạnh**